

Số: /KH-UBND

Vĩnh Lộc, ngày tháng 11 năm 2023

KẾ HOẠCH

Duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) huyện Vĩnh Lộc giai đoạn 2023 - 2025

Thực hiện Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025.

UBND huyện Vĩnh Lộc ban hành Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) huyện Vĩnh Lộc giai đoạn 2023 - 2025 với những nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công và dịch vụ công; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, đảm bảo thông thoáng, minh bạch, bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tiếp cận nguồn vốn, lao động, đất đai, nguyên vật liệu, thông tin, khoa học công nghệ,... phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện, góp phần phát triển doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện và hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020- 2025.

- Xác định công tác cải cách hành chính gắn với việc duy trì, cải thiện và nâng cao các Chỉ số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị mình. Trên cơ sở đó, phân công rõ nhiệm vụ cho từng địa phương, đơn vị nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, quyết tâm nâng cao các chỉ số, nhất là những chỉ số thành phần chưa có sự cải thiện hoặc đạt điểm số thấp.

- Các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn đơn vị cần bám sát yêu cầu, nội dung của các chỉ số thành phần thuộc từng bộ tiêu chí để chủ động triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; kịp thời tham mưu, đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm duy trì, cải thiện và nâng cao các chỉ số trên địa bàn huyện.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2023

1.1. Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng

(1) Chỉ đạo, triển khai, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 ban hành kèm theo Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện.

- Đơn vị chủ trì: Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện; UBND các xã, thị trấn.

- Đơn vị phối hợp: Phòng Nội vụ.

(2) Phát động, tìm kiếm, nhân rộng các mô hình, sáng kiến trong công tác CCHC; mỗi cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn phải có ít nhất 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới về CCHC áp dụng triển khai có hiệu quả.

- Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện: Văn phòng HĐND và UBND huyện; UBND các xã, thị trấn. (Phòng Nội vụ tổng hợp, đánh giá các mô hình, sáng kiến cải cách hành chính; trên cơ sở đó đề xuất thí điểm, nhân rộng thực hiện trên địa bàn huyện).

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

(3) Nâng cao chất lượng tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; thường xuyên rà soát, phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh. Thực hiện kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật hiệu quả, đảm bảo 100% số văn bản quy phạm pháp luật phải được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát; 100% văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

- Đơn vị chủ trì: Phòng tư pháp; UBND các xã, thị trấn.

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn.

(4) Tập trung nguồn lực đẩy nhanh việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Công Dịch vụ công phục vụ giải quyết TTHC; bảo đảm hoàn thành mục tiêu 100% kết quả của các hồ sơ giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời cả bản điện tử. Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; tiếp tục triển khai các giải pháp cụ thể, hiệu quả để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thanh toán trực tuyến.

- Đơn vị chủ trì: Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện; UBND các xã, thị trấn.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

(5) Tiếp tục rà soát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện; phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Thực hiện kiểm tra đối với các nhiệm vụ đã phân cấp; xử lý triệt để những vấn đề phát hiện qua kiểm tra. Thực hiện việc xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đơn vị chủ trì: Các phòng, ban, ngành, đơn vị.
- Đơn vị phối hợp: Phòng Nội vụ.

(6) Nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện công tác cải cách hành chính và thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức; phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm.

- Đơn vị chủ trì: Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND các xã, thị trấn
- Đơn vị phối hợp: Phòng Nội vụ.

(7) Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, cơ quan nhà nước có cổng/trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và triển khai các biện pháp về an toàn, an ninh thông tin để thực hiện tích hợp các phần mềm, đặc biệt hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công trực tuyến của huyện hoạt động an toàn, thông suốt và ổn định.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn Hóa và Thông tin.
- Đơn vị phối hợp: Các phòng, ban, ngành, các đơn vị liên quan.

(8) Tham mưu các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, góp phần hoàn thành đạt và vượt 100% chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội do Hội đồng nhân dân huyện giao.

Tiếp tục hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài. Hỗ trợ nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử cho doanh nghiệp.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- Đơn vị phối hợp: Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn.

(9) Chỉ đạo, triển khai dưới nhiều hình thức (hội nghị, tiếp xúc cử tri, tổ chức đối thoại, hòm thư góp ý, trang thông tin điện tử, mạng xã hội...) thuận lợi, dễ dàng để người dân có cơ hội tham gia góp ý đối với quá trình xây dựng chính sách và phản hồi ý kiến về kết quả, tác động của các chính sách.

- Đơn vị chủ trì: Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
- Đơn vị phối hợp: Các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị liên quan.

(10) Tăng cường công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin về chính sách pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống người dân như: Chính sách phát triển

kinh tế; chính sách khám, chữa bệnh; chính sách giáo dục phổ thông; chính sách trật tự, an toàn xã hội; chính sách giao thông đường bộ; chính sách điện sinh hoạt; chính sách nước sinh hoạt và chính sách an sinh xã hội... để nhân dân được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra.

- Đơn vị chủ trì: Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị có liên quan.

1.2. Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công

(1) Rà soát lại những trường hợp còn tồn đọng trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, công dân. Thực hiện công bố thông tin, dữ liệu về đất đai đầy đủ, kịp thời; rà soát, thu hồi đất các dự án chậm tiến độ sử dụng đất, sử dụng đất sai mục đích, kém hiệu quả, tạo quỹ đất sạch; công bố và cập nhật đầy đủ các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ chế, chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng, quỹ đất chưa sử dụng và các thông tin liên quan khác đến đất đai.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Tài nguyên và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

(2) Kiểm tra, hướng dẫn các xã, thị trấn trong thực hiện quy trình rà soát, xét duyệt công khai, minh bạch danh sách các hộ nghèo.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội, UBND các xã, thị trấn.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị có liên quan.

(3) Chấn chỉnh tình trạng lạm thu đầu năm học; việc dạy thêm, học thêm không đúng quy định.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Giáo dục và Đào tạo; phòng Tài chính- Kế hoạch.
- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, thị trấn; Các đơn vị có liên quan.

(4) Nâng cao hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải, thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn. Thu gom, xử lý triệt để chất thải nguy hại, chất thải y tế.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Tài nguyên và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, thị trấn.

(5) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; cán bộ thôn, tổ dân phố.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Nội vụ.
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị có liên quan.

(6) Thực hiện có hiệu quả Đề án 06; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn tăng cường đảm bảo an ninh trật tự; nâng cao hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa bàn dân cư.

- Đơn vị chủ trì: Công an huyện Vĩnh Lộc.

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND các xã, thị trấn.

(7) Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người dân đến địa bàn khu dân cư để người dân biết, hưởng ứng tham gia.

- Đơn vị chủ trì: Bảo hiểm xã hội huyện.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn.

(8) Thường xuyên tổ chức đối thoại với nhân dân, cộng đồng dân cư; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

1.3. Chỉ số năng lực cạnh tranh

(1) Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đăng ký, giảm chi phí thời gian cho doanh nghiệp; công khai, minh bạch các thủ tục hành chính có liên quan đến đăng ký doanh nghiệp; đẩy mạnh tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp qua mạng.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

(2) Thực hiện công bố thông tin, dữ liệu về đất đai đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử của huyện; rà soát, thu hồi đất các dự án chậm tiến độ sử dụng đất, sử dụng đất sai mục đích, kém hiệu quả, tạo quỹ đất sạch; rút ngắn thời gian xác định giá trị quyền sử dụng đất, giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai; xử lý cán bộ, công chức có biểu hiện sách nhiễu, gây phiền hà trong quá trình giải quyết công việc với công dân, doanh nghiệp.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn.

(3) Cập nhật đầy đủ các thông tin về Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kế hoạch đầu tư công, đăng ký doanh nghiệp, danh mục các dự án kêu gọi đầu tư và các thông tin liên quan khác.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

(4) Công bố và cập nhật đầy đủ các thông tin về Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030; Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện (bao gồm bản

đồ, danh mục...), cơ chế, chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng, quỹ đất chưa sử dụng và các thông tin liên quan khác đến đất đai.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

(5) Cập nhật đầy đủ các thông tin về Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040, các Quy hoạch đô thị, xây dựng, quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu dọc các tuyến đường giao thông lớn và các thông tin liên quan đến ngành, lĩnh vực.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

(6) Cập nhật đầy đủ các thông tin về tiềm năng, lợi thế của tỉnh, của huyện các cơ chế chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã ban hành và các thông tin liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

(7) Rút ngắn thời gian thẩm tra, tham mưu cho UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường.

- Đơn vị chủ trì: Các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

(8) Thực hiện việc công khai các quy định về cơ chế, chính sách giải phóng mặt bằng, ưu đãi đầu tư, thuê đất, khai thác khoáng sản, các chính sách ưu đãi thuế; không phân biệt đối xử các thành phần kinh tế trong giải quyết thủ tục hành chính, tiếp cận các thông tin về đất đai, tài nguyên, tín dụng, ưu đãi đầu tư.

- Đơn vị chủ trì: Phòng Tài nguyên - Môi trường; UBND các xã, thị trấn.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể giai đoạn 2023 - 2025 (theo các tiêu chí thành phần của từng Chỉ số)

Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện; UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tế của địa phương mình.

(Có các Phụ lục số 1, 2, 3 kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và

hành chính công (PAPI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) huyện Vĩnh Lộc năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025.

2. Trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị trực thuộc; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn

- Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả, kịp thời những nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, góp phần nâng cao điểm số, thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) cấp huyện. Chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về kết quả thực hiện. Định kỳ hằng quý, 06 tháng, năm, tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo UBND huyện (qua phòng Nội vụ) tại mục riêng trong báo cáo công tác CCHC định kỳ theo quy định.

- Hằng năm căn cứ kết quả các Chỉ số được công bố và chỉ đạo của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện đề chủ động rà soát lại các nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần của từng Chỉ số; giao trách nhiệm cụ thể cho cá nhân, tổ chức triển khai thực hiện nhằm duy trì, cải thiện và nâng cao các Chỉ số; trong đó, tập trung cải thiện các Chỉ số đang giảm hoặc đang đứng ở thứ hạng thấp. Mỗi đơn vị được giao nhiệm vụ cải thiện điểm số, thứ hạng các Chỉ số/Chỉ số thành phần phải xây dựng kế hoạch cụ thể để cải thiện từng Chỉ số/Chỉ số thành phần, nhất là các Chỉ số/Chỉ số thành phần có thứ hạng và điểm số thấp hoặc có xu hướng giảm điểm.

- Chủ động phối hợp hiệu quả với các cơ quan chuyên môn của cấp trên các đơn vị có liên quan trong việc triển khai đánh giá Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng.

- Chủ động phối hợp hiệu quả với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đơn vị có liên quan trong việc đánh giá Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp huyện.

- Chủ động phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị có liên quan trong việc đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện.

3. Văn phòng HĐND và UBND huyện

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, triển khai việc thực hiện đánh giá Chỉ số hài lòng; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công.

- Chủ trì hướng dẫn, xây dựng các mô hình, sáng kiến kinh nghiệm trong cải cách hành chính trọng tâm là Cải cách thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; trên cơ sở đó, đề xuất, báo cáo Chủ tịch UBND huyện về việc nhân rộng các mô hình, sáng kiến trên địa bàn huyện.

4. Phòng Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, triển khai việc thực hiện đánh giá Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các phòng, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này; tổng hợp và báo cáo chung về tình hình, kết quả thực hiện. Theo dõi, tổng hợp đánh giá việc thực hiện thí điểm các mô hình, sáng kiến tại các địa phương, đơn vị; trên cơ sở đó, đề xuất, báo cáo Chủ tịch UBND huyện về việc nhân rộng các mô hình, sáng kiến trên địa bàn huyện.

5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Chủ trì, làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo chung về tình hình thực hiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI). Phối hợp với Phòng Nội vụ đôn đốc, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các địa phương, đơn vị được giao tại Kế hoạch này.

6. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Căn cứ các nội dung Kế hoạch, trên cơ sở đề nghị của các địa phương, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cho UBND huyện bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

7. Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch: Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch này đến các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân; kịp thời thông tin về kết quả đạt được của Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng, Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công, Chỉ số năng lực cạnh tranh huyện Vĩnh Lộc để cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp được biết, tham gia và ủng hộ.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc các phòng, ban, đơn vị kịp thời báo cáo UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) để xem xét điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nội vụ (để b/c);
- Sở KH&ĐT (để b/c);
- Sở TT&TT (để b/c);
- Thường trực HU, HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (để b/c);
- Các phòng chuyên môn;
- Công an huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục thuế Vĩnh Lộc - Thạch Thành;
- Hiệp hội doanh nghiệp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VV.

CHỦ TỊCH

Phạm Quốc Thành

Phụ lục 1
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP DUY TRÌ, NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2023 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /11/2023 của UBND huyện Vĩnh Lộc)

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|---|--|---|---|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 1 | Công tác chỉ đạo điều hành CCHC | | | |
| 1.1 | Thực hiện Kế hoạch CCHC | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan. | Theo Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của huyện |
| 1.2 | Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan. | Báo cáo quý 1, 2, 3: trước ngày 10 của tháng cuối quý; Báo cáo năm: trước ngày 20/12 hàng năm |
| 1.3 | Công tác Kiểm tra CCHC | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan. | Thường xuyên |
| 1.4 | Công tác tuyên truyền CCHC | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan. | Thường xuyên |
| 1.5 | Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC | Văn phòng HĐND và UBND huyện, UBND các xã, thị trấn. | Các đơn vị liên quan. | Thường xuyên |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|---|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 1.6 | Đối thoại của huyện với người dân, doanh nghiệp | Văn phòng HĐND và UBND huyện | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 1.7 | Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 2 | Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh | | | |
| 2.1 | Theo dõi thi hành pháp luật | Phòng Tư pháp | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan. | Thường xuyên |
| 2.2 | Rà soát VBQPPL | Phòng Tư pháp | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan. | Thường xuyên |
| 2.3 | Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị | Phòng Tư pháp | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan. | Thường xuyên |
| 2.4 | Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do Tỉnh ban hành | Phòng Tư pháp | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan. | Thường xuyên |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|---|---|---|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 3 | Cải cách thủ tục hành chính | | | |
| 3.1 | Kiểm soát quy định TTHC | Văn phòng HĐND và UBND huyện. | Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan. | Thường xuyên |
| 3.2 | Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ | Văn phòng HĐND và UBND huyện; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 3.3 | Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông | Văn phòng HĐND và UBND huyện; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 3.4 | Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|---|---|--|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 3.5 | Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện. | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 4 | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính | | | |
| 4.1 | Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 4.2 | Thực hiện quy định về quản lý biên chế | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 4.3 | Thực hiện phân cấp quản lý | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 5 | Cải cách chế độ công vụ | | | |
| 5.1 | Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm | Phòng Nội vụ | Phòng Nội vụ | Thường xuyên |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|---|---|--|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 5.2 | Tuyển dụng công chức, viên chức | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 5.3 | Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 5.4 | Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Phòng Nội vụ | Thường xuyên |
| 5.5 | Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức | Phòng Nội vụ | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 5.6 | Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã | Phòng Nội vụ | Phòng Nội vụ | Thường xuyên |
| 5.7 | Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức | Phòng Nội vụ | Sở Nội vụ | Thường xuyên |
| 6 | Cải cách tài chính công | | | |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|---|----------------------------|--|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 6.1 | Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 6.2 | Công tác quản lý, sử dụng tài sản công | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 6.3 | Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Các đơn vị sự nghiệp công lập | Thường xuyên |
| 7 | Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số | | | |
| 7.1 | Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu | Phòng Văn hóa và Thông tin | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 7.2 | Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước. | Phòng Văn hóa và Thông tin | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 7.3 | Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức | Phòng Văn hóa và thông tin | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|-----|---|---|--------------------------------------|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 8 | Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện | | | |
| 8.1 | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện | Văn phòng HĐND và UBND huyện; UBND cấp xã | Bưu điện huyện; các đơn vị liên quan | Quý IV hàng năm |
| 8.2 | Mức độ thu hút đầu tư của huyện | Phòng Kinh tế và Hạ tầng | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 8.3 | Mức độ phát triển doanh nghiệp của huyện | Phòng Kinh tế và Hạ tầng | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 8.4 | Thực hiện thu ngân sách hàng năm của huyện theo Kế hoạch được Chính phủ giao | Phòng Tài chính- Kế hoạch | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 8.5 | Mức độ thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND huyện giao | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |

Phụ lục 2
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP DUY TRÌ, NÂNG CAO CHỈ SỐ HÀI LÒNG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /11/2023 của UBND huyện Vĩnh Lộc)

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|---|---|--|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 1 | Mức độ hài lòng của người dân đối với việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách của cơ quan nhà nước | | | |
| 1.1 | Trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các tổ chức chính trị - xã hội; thôn, tổ dân phố | Thường xuyên |
| 1.2 | Cơ hội của người dân tham gia ý kiến đối với chính sách | Văn phòng HĐND và UBND, UBND cấp xã | Các tổ chức chính trị - xã hội; thôn, tổ dân phố | Thường xuyên |
| 1.3 | Chất lượng chính sách | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 1.4 | Kết quả, tác động của chính sách | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 2 | Mức độ hài lòng của người dân đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công | | | |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|-----|-------------------------------------|--|----------------------|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 2.1 | Tiếp cận dịch vụ | Văn phòng HĐND và UBND; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 2.2 | Thủ tục hành chính | Văn phòng HĐND và UBND; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 2.3 | Công chức trực tiếp giải quyết TTHC | Văn phòng HĐND và UBND; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 2.4 | Kết quả dịch vụ | Văn phòng HĐND và UBND; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 2.5 | Tiếp nhận phản ánh kiến nghị | Văn phòng HĐND và UBND, các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |

Phụ lục 3
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP DUY TRÌ, NÂNG CAO CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG
GIẢI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /11/2023 của UBND huyện Vĩnh Lộc)

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|---|--------------------|--|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 1 | Tham gia của người dân ở cấp cơ sở | | | |
| 1.1 | Tri thức công dân về tham gia | UBND cấp xã | Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện; các tổ chức chính trị - xã hội; thôn, khu phố | Thường xuyên |
| 1.2 | Cơ hội tham gia | UBND cấp xã | Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện; các tổ chức chính trị - xã hội; khu phố | Thường xuyên |
| 1.3 | Chất lượng bầu cử ở cơ sở | UBND cấp xã | Các tổ chức chính trị - xã hội; thôn, khu phố | Thường xuyên |
| 1.4 | Đóng góp tự nguyện | UBND cấp xã | Các tổ chức chính trị - xã hội; thôn, Khu phố | Thường xuyên |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|---|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 2 | Công khai minh bạch | | | |
| 2.1 | Tiếp cận thông tin | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm VH,TT,TT và DL | Thường xuyên |
| 2.2 | Danh sách hộ nghèo | UBND cấp xã | Phòng LĐ - Thương binh và Xã hội | Thường xuyên |
| 2.3 | Thu, chi ngân sách cấp xã/phường | UBND cấp xã | Phòng Tài chính- Kế hoạch; UBND cấp huyện; các tổ chức chính trị - xã hội; thôn, tổ dân phố | Thường xuyên |
| 2.4 | Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, khung giá đền bù | Phòng Tài nguyên và Môi trường | Phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Tài chính - Kế hoạch; UBND cấp xã | Thường xuyên |
| 3 | Trách nhiệm giải trình với người dân | | | |
| 3.1 | Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | HĐND, MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã | Thường xuyên |
| 3.2 | Giải quyết khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | HĐND, MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã | Thường xuyên |
| 3.3 | Tiếp cận dịch vụ tư pháp | Phòng Tư pháp, UBND cấp xã | HĐND, MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã | Thường xuyên |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|---|--|-----------------------------------|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 4 | Kiểm soát tham nhũng trong lĩnh vực công | | | |
| 4.1 | Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 4.2 | Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 4.3 | Công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công | Phòng Nội vụ | Phòng Nội vụ | Thường xuyên |
| 4.4 | Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 5 | Thủ tục hành chính | | | |
| 5.1 | Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền | Văn phòng HĐND và UBND huyện, UBND cấp xã | Công an xã, phường, thị trấn | Thường xuyên |
| 5.2 | Thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng | Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế và Hạ tầng | UBND cấp xã, các đơn vị liên quan | Thường xuyên |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|------------------------------------|--------------------------------|---|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 5.3 | Dịch vụ hành chính cấp xã | UBND cấp xã | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 6 | Cung ứng dịch vụ công | | | |
| 6.1 | Giáo dục tiểu học công lập | Phòng Giáo dục và Đào tạo | Các cơ sở giáo dục công lập, các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 6.2 | Cơ sở hạ tầng căn bản | Phòng Kinh tế và Hạ tầng | UBND cấp xã, các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 6.3 | An ninh trật tự khu dân cư | Công an huyện | UBND cấp xã, các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 7 | Quản trị môi trường | | | |
| 7.1 | Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường | Phòng Tài nguyên và Môi trường | UBND cấp xã, các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 7.2 | Chất lượng không khí | Phòng Tài nguyên và Môi trường | UBND cấp xã, các đơn vị liên quan | Thường xuyên |

| STT | Lĩnh vực/Tiêu chí | Phân công nhiệm vụ | | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|---|---------------------|
| | | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | |
| 7.3 | Chất lượng nguồn nước sinh hoạt | Phòng Tài nguyên và Môi trường. | UBND cấp xã, các doanh nghiệp cung cấp nước sạch trên địa bàn huyện, các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 8 | Quản trị điện tử | | | |
| 8.1 | Sử dụng công nghệ thông tin điện tử của chính quyền địa phương | Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND cấp xã. | Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan | Thường xuyên |
| 8.2 | Tiếp cận và sử dụng internet tại địa phương | Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND cấp xã | Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện | Thường xuyên |
| 8.3 | Phúc đáp của chính quyền địa phương | Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã. | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên |